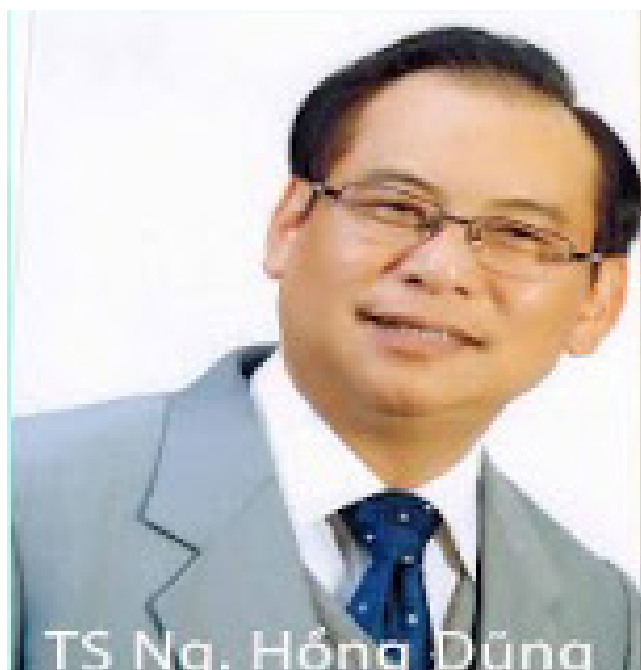


Nhà Văn TS Nguyễn Hồng Dzũng (TT/VTLV 2016)

Nhà Văn TS Nguyễn Hồng Dzũng



Tiến Sĩ Nguyễn Hồng Dũng sinh tại Quảng Ngãi, định cư tại Hoa Kỳ theo diện Tỵ nạn Chính trị. Tốt nghiệp Electronics Engineer in San Jose State University & Doctor of Philosophy in Business Administration in Southern California University. Công việc: SMT & QA Engineer & Product Manager cho các hãng Soletron Inc, Wellex Manufacturing Company, Pemstar Electronics Inc. Giảng sư Trường Đại học California State University Hayward, Project Diversity Screening Committee cho Thành phố San Jose, Quản Trị hệ Thống Vegetarian Di Lạc. Sinh hoạt Cộng đồng: Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Người Việt tại miền bắc California (Federation of Vietnamese American in Northern California), Phó Chủ Tịch Hội Văn Thơ Lạc Việt Hải Ngoại; Chủ Tịch Tổ Chức Văn Hóa Việt Mỹ (Vietnamese American

Culture Foundation VACF), Sáng lập viên Trường Cao Đẳng Phật Giáo Thực Dụng (The Practical Buddhism College). Chủ bút Báo Hoa Cành Nam. Chủ biên và bình luận thời sự về Chính trị, Văn hóa, Giáo dục trên Hệ thống Direct T.V truyền hình Viên Thao. Và hệ thống truyền thông Calitoday Media.

Tác phẩm đã xuất bản:

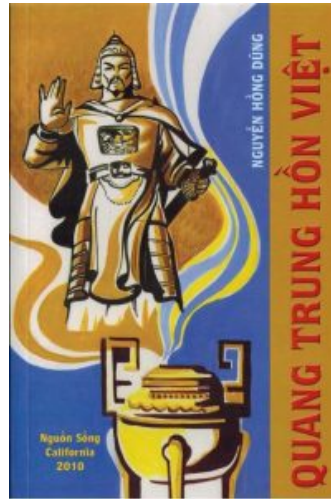
- Nước Mọt của Bìn (1992)
- Pháp Vũ (2008)
- Tuồng Vân (2010)
- Búp Sen Hừng Sáng (2011)
- Chuyến Đi Bìn Biệt (2012)
- Quang Trung Hồn Việt (2013)
- Kinh Thơ Diệu Pháp Liên Hoa (2015)
- Lam Sơn Hồn Việt (2016)
- Ngàn bài bình luận
- Lịch Sử Việt Truyền Hình

Tác phẩm sẽ in:

- Thân Chứng
- Hoa Nghiêm Trường Thi
- Duy Ma Cật Trong Thời Đại Kỹ Thuật Số
- Kim Cang Kinh Thi Phẩm



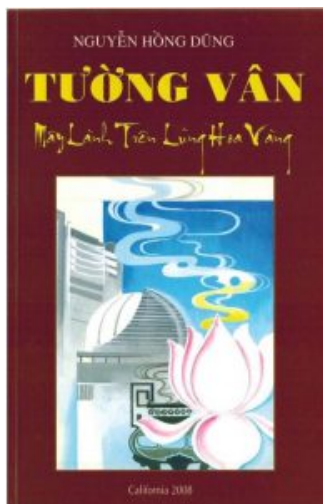
LAM SƠN HỒN VIỆT
Nguyễn Hồng Dũng
Nguồn Sống xuất bản 2016



Nguồn Sống
California
2010



CHUYẾN ĐI BIÊN BIỆT
NGUYỄN HỒNG DŨNG
Nguồn Sống xuất bản 2015



NGUYỄN HỒNG DŨNG

TƯỜNG VÂN

Mây Lành Tiên Lững Hoa Vàng

California 2008

CHỮ NHÔ

PHƯƠNG TIỆN CHẶNG ĐƯỜNG HÓA TỪ THỜI BẠC THUỘC

Tiến Sĩ Nguyễn Hồng Dũng

Đất nước, con người, văn hóa, nghệ thuật, ngôn ngữ hay đình chùa miếu mạo xưa nay nếu không nằm trong quy luật vô thường, biến hiện, tương đối thì không bao giờ có cái thường và tuyệt đối. Nếu không có cái thường và tuyệt đối, thì ngày nay ta chẳng bao giờ được gặt hái một kết quả cao thượng, vì vậy mà sự vô thường và cái tương đối là sự tiến hóa của muôn loài, bao gồm Tổ quốc và Dân tộc từ ngàn xưa đến tận ngày nay.

Nếu chúng ta lấy mốc thời gian khởi thủy dòng Việt tộc từ họ

Hùng Bàng với mười tám đời vua Hùng Vương truyền ngôi trên đấ nước Văn Lang (1) thì năm tháng khi thấy nhất định vậ là một sự bàn cãi của các sắ gia chưa được thắng nhất. Theo sách sắ ghi chép thì vua Hùng Vương thứ mười tám có người con gái Mị Nương xinh đẹp đầ tuầi cập kê nên Thục Phán là vua nước Âu Lạc muầ hầi làm vợ, Vua Hùng không gắ khiầ cho Thục Phán tức giận gây chiầ, Vua Hùng Vương cậy mình có tinh binh dũng tướng mà lơ là việc quắ phòng liầ bị Thục Phán khiầ binh đánh thắng năm 257 trước Tây lịch, sát nhập Văn Lang vào Âu Lạc, tự xưng là An Dương Vương đóng đô ở Phong Khê, xây thành Cổ Loa tại Đông Anh, Hà Nội.

Bầ giờ ở nước Tàu có vua Tần Thắ Hoàng thắng nhất thiên hạ khắp phương Bắc nên muầ bành trướng đầ nước về phương nam bèn sai tướng Đồ Thư đem binh đánh lấy đầ Âu Lạc cùng các bộ tộc Bách Việt. An Dương Vương chắng cự không lại nên chắp nhận thắnh phục nhà Tần. Đồ Thư chia đầ vừa lấy được ra làm ba quận là Nam Hầi, Quắ Lâm và Tượng Quận; người dân Bách Việt không quy phục nên chắng lại người Tàu, giắtt chắtt Đồ Thư. Bầ giờ vương triầu nhà Tần phương bắc suy vi, giắc giắ nầi lên chắng triầu đình và quan quyần nên loạn lạc xảy ra khắp cùng trong thiên hạ.

Đầ Âu Lạc của An Dương Vương phát triần trầ lại và cậy có nầ thắnh trong thành Cổ Loa nên ở y không lo canh phòng, Quan Thái Úy quận Nam Hầi là Triệu Đà lập mưu với ý đầ thôn tính Âu Lạc mà không thành công nên dùng kế kếtt nghĩa hòa thân bằng cách cho con trai là Trọng Thắ sang cưới Mị Châu tức con gái An Dương Vương đầ làm nội gián. Sau khi biắtt nầ thắnh là bầo vật chắng giắc nên Trọng Thắ tráo đầi và quay về Nam Hầi tường trầnh việc quân bị. Triệu Đà biắtt rõ cơ mật liầ đem quân đánh lấy Âu Lạc năm 207 trước Tây lịch, lập ra nước Nam Việt, xưng là Vũ Vương, đóng đô ở Phiên Ngung.

Thời điểm Triệu Đà lập quắ thì nhà Tần suy yầu, Lưu Bang nhà Hán đang phát triần vương triầu, nước Tàu đại loạn, bầ thân Triệu Đà là người Tàu, làm quan cho nhà Tần nhưng muầ kiầ tạo Nam Việt là quắ gia độc lập tự chắ ở phương nam nên thiắtt

lập triều chính, pháp luật, văn hóa, chữ viết giống với người phương bênc. Trong suốt 70 năm trị vì, Triệu Đà đã áp dụng những tập tục phong hóa gần như tương đương với vương triều nhà Thán, nhà Hán bên Tàu, đặc biệt là cách viết chữ Hoa [花] một loại chữ tượng hình, tượng thanh vuông vức rất đẹp như các đóa hoa nên được gọi là chữ Hoa. Năm 137 trước Tây lịch thì Triệu Đà băng hà hưng đại thọ 121 tuổi, truyền ngôi cho Triệu Văn Vương, Triệu Minh-vương, Triệu Ai-vương và cuối cùng là Triệu Dương-vương còn thế được bên đời. Triệu Dương Vương làm vua được chừng một năm thì vua Vũ Đế nhà Hán bên Tàu sai Phục ba tướng quân Lộc Bác Đức và Dương Bộc đem năm đạo quân đánh lây Nam Việt, triều đình chống lại mãnh liệt nhưng bị thua và bị sát hại tất cả, nước Nam Việt bị người Tàu đô hộ từ năm 111 trước Tây lịch, đổi tên là Giao Châu Bộ.

Mục đích của triều đình nhà Hán là muốn thôn tính Nam Việt, sát nhập vào nước Tàu hay còn gọi là đồng hóa cùng dòng tộc nhà Hán với nhau. Đây là tính tự nhiên của một dân tộc nhỏ hơn và diện tích, ít dân hơn và chống tộc, thiếu văn minh hơn và nhân văn trong sự giao tiếp thường nhật. Tuy nhiên người Hán không đủ sức đủ làm việc này bởi lẽ số binh lính và quan lại người Tàu không nhiều đủ áp đối số lượng dân chúng tại địa phương nên thiếu số phải phục tùng đa số, do vậy mà cuối cùng là những kẻ xâm lược muốn thán tại phải chấp nhận theo học, thực hành những gì mà dân bên xứ đang sử dụng tại địa phương. Người Nam Việt chống những không mất đi bên sốc dân tộc mà còn được tiếp nhận thêm một số tập tục, cách thức hay ho của những kẻ muốn sang đồng hóa.

Các quan lại người Hán dùng Hán [文] tự trong các văn kiện, sổ sáo, [文] chữ v.v..nhưng không cần phải cưỡng bức bởi vì chữ Hán bêny giờ tức chữ Hoa trước kia đã được lưu chuyển, giao dịch công văn, ngôn tự truyền đạt từ thời vua Vũ vương Triệu Đà nên từ tầng lớp thượng lưu trí thức đến các hương mục, sĩ tú thứ dân đều không bị áp lực cưỡng chức, thua mái trong thông tri và phát âm theo địa phương mà kẻ xâm lược lại ngần ngo không hiểu nên i.

Trên thực tế đang hóa giữa hai dân tộc với nhau diễn ra trong hình thức hòa trộn nền văn hóa, kẻ nào mạnh hơn, nền văn hóa hợp dân hơn, đông dân hơn thì đối tượng kia ít dân hơn, lạc hậu, không có nền văn hóa riêng sẽ bị phụ thuộc. Tiếng nói là một công cụ quan trọng nhất để định hình một dân tộc, trong cùng một nhóm, một bộ tộc hay một cộng đồng thì ngôn ngữ gốc là một sợi dây vô hình nhưng thiêng liêng thấn thánh tuyệt vời trói buộc những con dân của bộ tộc thành một sức thái đặc thù riêng biệt. Một đi ngôn ngữ chính gốc sẽ là hiện tượng đang hóa với dân tộc mà mình đang sử dụng ngôn ngữ đó, nên nền văn hóa gốc sẽ bị mai một và biến mất theo thời gian. Do đó, tiếng nói là một thành tựu của văn hóa, bảo tồn tiếng Việt là bảo tồn giống nòi, bảo tồn văn hóa và con người thuần chủng.

Từ năm 111 trước Tây lịch người Hán thực hiện ý đồ thôn tính Nam Việt bằng nhiều kiểu xuyên qua ngành học thuật, văn hóa, cách sống v.v.. nhưng ngôn ngữ vốn là phương tiện truyền đạt dễ dàng làm cho sự đang hóa giữa hai dân tộc tiến nhanh hơn; tuy vậy từ tiên chúng ta đã phát hiện thâm ý này sớm hơn những mưu mô của đám quan lại nhà Hán, bởi lẽ từ thời Triệu Đà, tiếng Hoa được sử dụng trong nền giáo dục đại chúng như sách, công văn, chiếu chỉ đều được viết bằng tiếng Hoa, ông cha ta đã dùng văn tự mà không phát âm theo Tàu, ngược lại nói và đọc theo âm Nam Việt thuần chủng. Ví dụ chữ “Việt Nam” khi viết đều giống nhau nhưng lúc phát âm thì chỉ có người Nam Việt đọc là Việt Nam còn người Tàu có nghe cũng không hiểu, trừ khi đọc theo âm Quảng Đông là “Duyệt nằm”.

Trước khi người Hán muốn đang hóa dân tộc Nam Việt thì chữ viết theo hình vuông được người dân đặt tên là chữ Nho [文], nghĩa là chữ của kẻ có học hành, có kiến thức. Cũng nên lưu ý rằng chữ Hoa có từ thời thượng cổ, đời nhà Thương, chỉ tác qua các triều đại trước đời nhà Hán chừng năm bảy thế kỷ theo sự cấu tạo bởi sáu nguyên tắc gọi là lục thư gồm Tượng hình, Chỉ sự, Hình thanh, Hội ý, Chuyển chú, Giả tá.

-Tượng hình là dùng phương pháp vẽ sự vật và hình ảnh để tạo ra chữ viết. Ví dụ chữ mục [目] là một phôi vẽ sao cho giống

con mọt.

-Chữ Sự là ta suy tư ra rồi theo khái niệm trừu tượng về những sự vật vô hình. Ví dụ chữ tam [三] là ba có ba gạch ngang.

-Hội ý là chữ được nới từ hai loại Tượng hình và Chữ sự [象形] trên, thêm vào nét chằm, phết thì ra chữ mới. Ví dụ chữ vương [王] có thêm dấu chằm trên đầu là chữ ch [王] hay dấu chằm bên phải là thành chữ ngọc [玉]. Chữ lâm [林] là rừng dùng hai chữ mộc [木] ghép lại ngụ ý nhiều cây hợp lại tạo thành rừng.

-Hình thanh là dùng phần dấu hiệu chữ ý nghĩa và phần khác thì chữ âm. Khi muốn viết chữ khác thì có thể thay đổi hình và giữ âm lại. Ví dụ chữ hà [河] là sông găm bộ thủy cộng với chữ kh [可] thành ra chữ hà.

-Chuyển chú là những chữ cùng chung bộ chữ, có ý nghĩa tương đồng, bổ sung cho nhau. Ví dụ các loại chim bay đều dùng bộ điểu [鳥] rồi thêm vào cho ra các chữ thuộc về loài có cánh, biết bay như chim phụng [鳳] hoàng. Chữ trường [長] là dài và chữ trưởng [長] là lớn tức là trưởng thành. Do đó hai chữ trường và trưởng cùng một ý nhưng thêm nét cho rõ nghĩa.

-Giả tá là loại chữ mượn âm của chữ đã có sẵn để đặt ra chữ mới cho một sự vật vừa xuất hiện, nói lên ý nghĩa mới chứ không tạo chữ mới. Ví dụ chữ lệnh [令] trong mệnh lệnh mượn làm chữ huyện lệnh. Chữ đạo [道] là con đường cũng viết thành chữ đạo lý [道理] hay đạo đức [道德].

Người Nam Việt từ thời Triệu Đà đã mượn lại viết lục thư nêu trên làm phương tiện truyền thông giao dịch từ triều đình trung ương đến các quan lại địa phương và dần dần lan rộng ra quần chúng. Chữ Nho chính là chữ Hoa nghĩa là chữ đẹp dễ, vì chỉ những người học hành, những người có kiến thức, thường được dùng để nói về Nho gia, Nho giáo, Nho học, Nho sinh. Từ khi đạo Khổng, đạo Lão truyền bá vào nước ta với các pho sách Tứ thư(2), ngũ kinh(3), người Việt gọi là sách Nho bởi vì văn hóa Việt bị ảnh hưởng về tôn giáo của đức Khổng Tử để xây dựng

con người và xã hội qua việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ; và muốn đạt mục đích trên, ta cần giữ luân lý Tam cương (vua đối với quần thần, cha đối với con, vợ đối với chồng), nam giới cần có Ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín), nữ giới cần có Tam tòng (ở nhà theo cha, ở trường theo thầy, ở chồng theo chồng) và Tứ đức (công, dung, ngôn, hạnh). Bởi vậy mà người theo học thuyết này cũng được gọi là đạo Nho.

Từ thời đại Hùng Bàng, nước ta cũng có những ký hiệu đồ biểu thị truyền thông như hình chim cò, hoa sao, nhật nguyệt. Tuy nhiên chúng ta chưa có đến thời gian phát triển chữ viết thành một hệ thống riêng lẽ thì thời kỳ Triệu Đà từ năm 257 trước Tây lịch lại phổ biến chữ Hoa nên dân ta có được một phương tiện giao dịch phong phú, còn gì tốt cho bằng. Hơn nữa từ tiên chúng ta cần giao thiệp, buôn bán qua lại với nước Tàu nên chữ Nho phát triển rất nhanh để dùng làm phương tiện đàm thoại bằng chữ viết là chuyện bình thường. Có thể ý muốn của Triệu Đà phổ biến chữ Hoa cho dân chúng sử dụng mang mục đích đồng hóa và đô hộ toàn dân thành một khối, nhưng sức mạnh văn hóa của Nam Việt đã khiến cho triều đình và quan lại phải nương theo phong tục, tập quán, ngôn ngữ và tín ngưỡng của toàn dân mà giao thoa trong cai trị để hòa nhập, cuối cùng con cháu Triệu Đà bị Việt hóa và trở thành dòng giống Bách Việt.

Từ khi Hán Vũ Đế bên Tàu sai Phục ba Tướng quân Lộ Bác Đức và Dương Bộc đánh chiếm Nam Việt, nước ta bị nhà Hán đô hộ từ năm 111 trước Tây lịch, đổi tên là Giao Chỉ Bộ nên có người gọi chữ Hoa hay chữ Nho thành ra chữ Hán, thói quen đó đã thành thông lệ cho đến ngày nay, bởi dòng tộc Hán lớn mạnh ở phương Bắc do Lưu Bang hình thành nên mặc nhiên người đời cho đó là chữ của Hán tộc.

Câu hỏi được đặt ra là tại sao từ năm 111 trước Tây lịch nước Nam Việt bị các triều đại phương Bắc thay nhau cai trị, dân tộc Hán đã muốn đồng hóa người dân phương Nam thành một quận huyện của Tàu, muốn biến cả một đất nước thuộc dòng họ Bách Việt thành một bộ tộc trong đại gia đình Hán tộc, muốn xóa sổ

dòng giòng Lạc Hồng trên bển đò thò giới, nhưng rứt cuộc sau một ngàn năm thòng trị, người dân Nam Việt lại nổi lên giành lấy chủ quyền mà điển hình là Bà Trưng năm 39 sau Tây lịch, Bà Triệu năm 258; điển cuộc khởi nghĩa chống ngoại xâm của Ngô Vương Quyền năm 938 đưa quân nam Hán về lại phương bắc, lập nên một thời kỳ tự chủ lâu dài với bển sông dân tộc không hề thay đổi. Cũng một ngàn năm cai trị dân Nam, đáng lẽ nền văn hóa Nam Việt đã thường bị nền văn hóa Hán tộc đồng hóa; nhưng điều kỳ diệu là dân tộc Nam Việt chống những không hề suy suyển mà còn tiếp thu cái hay của các tập tục, phong hóa, nghệ thuật để biến thành cái rứt “Ta”, rứt nhuần nhuyễn hợp người phương Nam, lưu truyền được phong tục và tiếng nói riêng biệt, giữ được hồn dân tộc không bị lai căn.

Chiếc chìa khóa thò kỳ này chính là từ tiên ta đã khai dụng chữ Nho để học hỏi và truyền tin với nhau, nhưng khi phát âm luôn dùng tiếng thuần Việt, vì vậy mà cũng ngàn năm đó từ tiên chúng ta vẫn giao tiếp thòa mái với người Hán bằng loại chữ Nho, tức chữ Hán theo cách gọi phổ thông, nhưng khi nói chuyện thì dứt khoát là dùng tiếng Việt phiên âm hay còn gọi là âm Hán Việt; kể cả có học trong trường học hay chỉ ở nhà vẫn số cung đình cũng sử dụng âm Hán Việt chứ chưa bao giờ dùng ngôn ngữ Quảng Đông, Phúc Kiến hay Triều Châu để đối thoại lẫn nhau. Các quan lại người Tàu sang cai trị nước ta cũng dùng bút đàm để liên lạc chứ cũng ít khi siêng năng ráng sức học ngôn ngữ bển xứ. Do đó mà hai dân tộc dù có chung nhau trong một quận huyện cũng chống bao giờ hòa hợp với nhau, giòng như nước với dầu có khi nào mà dung hòa thò nhập? Đồng hóa thì tương tự như nước với sữa, nhưng dân Nam Việt là nước còn Hán tộc là dầu mà lại là dầu lửa thì muôn đời khó hòa quyện lẫn nhau.

Các đế quốc thực dân chiếm những nước thuộc địa đều áp dụng đồng hóa ngôn ngữ, bởi vì chừng khoảng vài trăm năm sau thì các đế quốc đó sẽ xóa ngôn ngữ bển địa mà thay thế bằng ngôn ngữ thực dân. Chúng ta nhìn nước Phi Luật Tân sau thời kỳ đô hộ bởi Tây Ban Nha và Hoa Kỳ thì ngôn ngữ dân tộc là Tagalog,

một loại ngôn ngữ chính thống Filipino cũng bị thay thế bằng tiếng Anh. Nước Ba Tây bị Bồ Đào Nha chiếm làm thuộc địa từ thế kỷ thứ XV, sang thế kỷ thứ XVII cả nước nói tiếng Bồ Đào Nha mà tiếng bản địa Ba Tây trở thành cả ngữ!. Một số quốc gia Châu Phi như Togo, Sénégal bị Pháp đô hộ và tiếng Pháp trở thành ngôn ngữ chính thống, các loại ngữ tộc Togo, Sénégal ngày nào không một ai nhắc tới. Riêng với dân tộc Việt Nam đã bị Pháp đô hộ từ năm 1858, tiếng Pháp đã phổ biến trong các trường học sơ cấp, trung cấp từ sau khi thế chiến thứ nhất chấm dứt năm 1918; Lớp thanh niên đã bắt đầu sử dụng tiếng Pháp trong sinh hoạt, học hành, buôn bán lên đến 50%; nếu như không có những cuộc đấu kháng chống Pháp như các phong trào Văn Thân (4), Cần Vương (5), Đông Kinh Nghĩa Thục (6), cuộc Tổng khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc Dân Đảng (7) nổi lên chống lại thực dân Pháp thì việc đồng hóa ngôn ngữ do Phú Lang Sa (8) đồ xướng đồ gì thất bại chưa cay?

Tổ tiên của chúng ta từ miền nam sông Dương Tử di cư xuống phương nam nên rất hiểu những ý đồ thâm độc của bọn người phương Bắc. Chính sự hiểu biết đó mà cha ông chúng ta đã đưa ra những phương cách hữu hiệu ngăn ngừa kiểu đồng hóa ngôn ngữ trước khi đồng hóa dân tộc, các kẻ sách hay ho dùng để gìn giữ được tiếng nói riêng biệt của nước Nam trong suốt chiều dài hơn ngàn năm bị ngoại bang thống trị là sự khôn ngoan tuyệt vời bao toàn vẹn lãnh thổ đến hôm nay.

Cũng từ sự hiểu biết đó mà trong huyết quản sâu thẳm của người phương Nam ít chịu sự khuất phục hay điều động từ người phương Bắc, vì vậy mà ý thức đấu kháng đã cháy trong từng động mạch, từng sợi thịt của từng người dân Nam khi nào cho dù ngàn năm đô hộ giặc Tàu mà tinh thần tự chủ, ý chí bất khuất của dân Việt lúc nào cũng hừng hực cháy. Sự mâu thuẫn giữa kẻ mạnh muốn xóa bỏ văn hóa, ngôn ngữ bản địa lại gia tăng sự hiềm khích, phản đối của dân tộc bị trị, để thêm dẫu vài lần cho cuộc trường kỳ kháng chiến chống ngoại xâm. Đó chính là bức rào ngăn cản sự đồng hóa sau ngàn năm thống trị đất Nam Việt bởi nhà Tần, nhà Hán từ phương bắc dòm xuống phương nam.

Chữ Nho là do người Việt đặt tên với hàm ý là người có học, người Tàu sẽ không biết ý nghĩa này; chữ tự nghĩa là chữ sau này dùng vào các âm ghép như Hán tự, văn tự chứ không dùng Hán Nho, văn Nho dù cùng một nghĩa như nhau. Mượn chữ viết để truyền tin là việc làm đúng đắn, bởi vì bất cứ nền văn minh nào được phát hiện thì con người vận dụng và thừa hưởng là điều thiên kinh địa nghĩa, từ tiên ta không ngại ngần trước việc vay mượn chữ Hoa để sử dụng trong chuyện giao tiếp, thông tin, nhưng quy ước cách đọc là một sáng tạo độc đáo. Mỗi chữ viết, từ tiên ta đặt một âm Việt tương đương, vừa dễ nhớ, vừa liên tưởng đến vật dụng hàng ngày đang mau thuộc mặt chữ. Âm Việt của chữ Hoa mà sau này đổi thành chữ Hán gọi là âm Hán Việt tức chữ Nho, vì đọc theo tiếng mẹ đẻ thì thật nhiên nhiên hơn học tiếng Quảng đông. Văn hào Nguyễn Du chắc không nói được tiếng Tàu nhưng có thể đọc được tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân (9) bằng chữ Nho nên sáng tác ra Đoạn Trường Tân Thanh tức truyện Kiều, một tác phẩm thi ca tuyệt trần trong kho tàng văn học nước nhà, chắc chắc sẽ sống mãi với nhân gian mà nhà văn Phạm Quỳnh của thập niên 40 trong thế kỷ XX từng nói: “Truyện Kiều còn thì tiếng ta còn, tiếng ta còn thì nước Việt còn” là một minh chứng cho kết quả cao thượng.

Một ngàn năm giặc Tàu đô hộ nước Nam Việt nhưng không đời nào tiêu diệt được ngôn ngữ bản địa, trái lại tiếng Việt lại càng thêm phong phú tạo ra các tác phẩm thi ca, nhạc kịch, liêng đổi quá thâm trầm, ý nhị, âm vận lại du dương khiến người nghe tưởng như lời hát vi vu trong gió. Sự sáng tạo chữ Nho của cha ông chúng ta đã giúp cho Nam Việt tránh được tình trạng bị người Hán đồng hóa đã đành, mà nguy cơ mất đất, mất chủ quyền trong thời gian một ngàn năm Bắc thuộc không hề xảy ra. Nền văn hóa lâu đời của Việt tộc rất phong phú, dồi dào nên khó thay thế bằng một loại văn hóa ngoại lai, tinh thần xã hội và kang gia đình đã bắt rễ từ thời đại Hồng Bàng nên không thể xen kẽ bất kỳ hình ảnh khác lạ nào vào cuộc sống bình dị, mộc mạc của dân quê. Cái đình làng vốn có hàng ngàn năm trước dù nằm âm thầm dưới gốc cây đa nhưng là một cơ sở kháng sinh mãnh liệt cho bất kỳ loại ký sinh ngoại lai nào xâm nhập vào đời

sống dân dã đã có từ thời Hùng Vương.

Vô hiệu hóa những âm mưu đồng hóa của người Hán là những tư duy tuyệt đỉnh của tổ tiên chúng ta. Dùng chung một ngôn ngữ là con đường đồng hóa rồi sát nhập vào nước lớn mau lẹ nhất, nhưng điều này không hề xảy ra trên lãnh thổ nước Việt xưa là bởi dân ta có chữ Nho để sử dụng, có chữ Hoa để bút đàm, cả hai phương tiện này là dòng chảy xuyên suốt đời cộng thông giữa kẻ thống trị và kẻ bị trị nhưng lại không bao giờ hòa quyện với nhau, do đó mà chuyện đồng hóa còn lâu mới thực hiện được đối với một dân tộc có cá tính riêng, có ý chí bất khuất kiên cường, và có kinh nghiệm sống dưới nôi hà khắc bất công bởi Bắc thuộc cả một ngàn năm đằng đẵng chưa cay.

San Jose February 8-2016

Ghi Chú:

(1) Văn Lang là [tên nước](#) đầu tiên của [Việt Nam](#) được thành lập và cai trị bởi các [vua Hùng](#).

(2) Tứ Thư là bốn tác phẩm kinh điển của Tào gươm: [Đại Học](#) , [Trung Dung](#) Luận ngữ và Mạnh Tử

(3) Ngũ Kinh là 5 pho kinh gồm Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch, Kinh Xuân Thu

(4) Phong trào Văn Thân là một phong trào quần chúng do các nho sĩ [Việt Nam](#) lãnh đạo với mục tiêu “bình Tây, sát tặc” để cứu nước. Phong trào này khởi phát từ năm [1864](#) bằng cuộc bãi thị của sĩ tể trong kỳ thi Hương tại các trường miếu Bắc và miếu Trung nhằm phản đối [triều đình nhà Nguyễn](#) ký [Hiệp ước Nhâm Tuất](#) (1862) nhượng 3 tỉnh miền Đông của Nam phần cho [Pháp](#).

(5) Càn Vương do ông [Tôn Thất Thuyết](#) – một đại thần thuộc phe chủ chiến – đưa vua [Hàm Nghi](#) ra ngoài, phát hịch Càn Vương chống Pháp năm 1888.

(6) *Đông Kinh Nghĩa Thục (1907)*, do ông Lương Văn Can huy động để bôn học từ chương, du nhập những tư tưởng mới từ Nhật hoặc các nước tiên bộ để phát triển văn hoá, thúc đẩy sử dụng chữ quốc ngữ thông qua các hoạt động giáo dục

(7) *Tổng khởi nghĩa Yên Bái*: cuộc khởi nghĩa do Việt Nam Quốc Dân Đảng vận dụng khởi xướng ngày 10 tháng 2 năm 1930 chống Pháp.

(8) *Phủ Lang Sa: France, Pháp thuộc, giấc Tây*

(9) *Thanh Tâm Tài Nhân* tên thật là Từ Văn Trường, một nhà văn đời nhà Thanh thế kỷ XVII tác giả tiểu thuyết *Kim Vân Kiếu*. Cụ Nguyễn Du đi sứ sang Tàu đọc được tác phẩm này nên sáng tác ra *Đoạn Trường Tân Thanh* tức *Truyện Kiều*.

Tài liệu:

- *Lịch sử cận đại Việt Nam*; Đào Duy Anh

- *An Dương Vương; Từ điển bách khoa Việt Nam*

- Từ điển điện tử wikipedia.org/wiki/Chữ_Nho

- *Việt Sử Toàn Thư* Phạm Văn Sơn, 1960.

- <http://www.taphopdongtam.org/baiviet/phubientapluc.html>

- *Đại Nam liệt truyện*, ghi chép về gia phả nhà Nguyễn,

- *Lê quý dật sử*, Bùi Dương Lịch

- *Đại Nam Quốc sử Diễn ca* Đỗ Văn Ninh

- *The Institute for Vietnamese Culture & Education*

